TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 9 – 2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tăng Ngọc Châu.

2. Bà Trần Hồng Ni.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phan Ngọc Điểm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 69/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Thái Kim L**, sinh ngày 01/01/1972.

Địa chỉ: Ấp L, xã T, tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: Ấp L, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau); (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn C (Lê Minh C)**, sinh ngày 01/01/1973.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: ấp M, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng); (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 4 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Thái Kim L trình bày:

Bà Thái Kim L với ông Lê Minh C được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2009, nhưng không đăng ký kết hôn. Ông, bà sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cãi

nhau vì bất đồng quan điểm, mặc dù đã được gia đình hai bên và con góp ý hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không thành. Từ đó tình cảm ông, bà không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn trách nhiệm với nhau nữa, nên bà L yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà L với ông C có 01 con chung tên Lê Thái M, sinh năm 2016, hiện nay sống chung với ông C. Bà L yêu cầu giao con cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông Lê Văn C (Lê Minh C):

Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, lấy lời khai nhưng ông C đều từ chối nhận các văn bản tố tụng; ông C đều vắng mặt không rõ lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Theo biên bản lấy lời khai đương sự ngày 18/8/2025 của Toà án đối với ông C thì ông C trình bày: Ông không đồng ý nhận các văn bản của Toà án vì ông không đồng ý ly hôn, ông với bà L còn nhiều vấn đề chưa giải quyết với nhau; nếu bà L vẫn kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Ông với bà L có 01 con chung tên Lê Thái M, sinh ngày 26/11/2016 đang sống chung với ông; ông tự nuôi con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng. Ông với bà L có tài sản chung, nhưng tự thoả thuận; không có nợ chung. Tuy nhiên, ông C từ chối ký tên vào biên bản này mà không nêu lý do.

3. Ý kiến của con chung:

Trong biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 18/8/2025, con chung tên Lê Thái M, sinh ngày 26/11/2016 có nguyện vọng được sống chung với cha là ông C. Sau khi Toà án ghi nhận nguyện vọng con chung, thì ông C không ký tên và không cho cháu M ký tên vào biên bản mà không nêu lý do.

4. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông C chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không công nhận bà L và ông C là vợ chồng; Giao con chung tên Lê Thái M, sinh ngày 26/11/2016 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 (mười tám) tuổi, bà L không cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết; Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Toà án không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng, do bị đơn cư trú ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: ấp M, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng) nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Toà án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà L vắng mặt tại phiên toà, có đơn đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn ông C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần hợp lệ, nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của các đương sự không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà L cho rằng bà với ông C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ông, bà cư trú (có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã kèm theo). Ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ai cũng có cuộc sống riêng của mình, tình cảm không thể hàn gắn được. Bà L yêu cầu ly hôn với ông C.

Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"* và theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật này quy định thì: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…"*.

Bà L, ông C chung sống với nhau như vợ chồng, tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn, theo như quy định trên đây thì nay bà L yêu cầu ly hôn với ông C, nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà L với ông C là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà L cho rằng ông, bà có 01 con chung tên Lê Thái M, sinh ngày 26/11/2016, hiện nay sống chung với ông C. Bà L yêu cầu giao con cho

ông C tiếp tục, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con, không cấp dưỡng; bên cạnh đó, thì con chung có nguyện vọng được sống chung với ông C. Vì vậy, nhằm ổn định cho cuộc sống của con chung, nên cần giao cháu M cho ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Bà L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với ông C; bà L cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định của khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, ông C cũng không yêu cầu về cấp dưỡng. Do đó, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông C không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận và lời đề nghị của Kiểm sát viên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Kim L.

1.1. Tuyên bố không công nhận bà Thái Kim L và ông Lê Văn C (Lê Minh C) là vợ chồng.

1.2. Về con chung:

- Giao con chung tên Lê Thái M, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2016 cho ông Lê Văn C (Lê Minh C) trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 (mười tám) tuổi.

- Bà Thái Kim L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung tên Lê Thái M được sống chung với ông Lê Văn C (Lê Minh C).

- Bà Thái Kim L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; ông Lê Văn C (Lê Minh C) cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Bà Thái Kim L không cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Thái Kim L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001747 ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ; như vậy, bà L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Toà án tống đạt bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh